

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 226/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con giữa

Chị Bùi Thu Q và

Anh Phạm Văn Đ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Minh Tân; ông Ngô Kim Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2004/QĐHPT ngày 18-6-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thu Q, sinh năm 2001; căn cước công dân số; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 42/587 đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1986; căn cước công dân số; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: 25/17/19/124, T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị Q có đơn xin vắng mặt. Anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04-5-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Bùi Thu Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 14-3-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Q trình bày thì nguyên nhân do anh Đ chơi cờ bạc trên mạng làm ảnh hưởng đến kinh tế và gia đình. Chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ sinh sống và vợ chồng ly thân nhiều lần, khoảng hai tháng nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Chị nhận thấy tình cảm không còn nên xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Quỳnh Anh T sinh ngày 03-6-2017 và Phạm Quỳnh Khánh A sinh ngày 06-3-2024. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-6-2024 cháu T có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị Q đề nghị tôn trọng nguyện vọng của cháu T, đồng thời xin trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Văn Đ không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Q, đồng thời anh cũng không đến Tòa án để làm việc.

3. Kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Chị Bùi Thu Q là vợ anh Phạm Văn Đ. Anh Đ đăng ký thường trú tại số 25/17/19/124, T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vợ chồng anh Đ và chị Q sinh sống tại địa chỉ này và có hai con chung. Mâu thuẫn vợ chồng anh Đ như nào địa phương không hoà giải nên không biết. Hiện tại chị Q đã đưa hai con về nhà để sinh sống.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào các Điều 21, 58, 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Bùi Thu Q và anh Phạm Văn Đ đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Q và anh Đ.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao cháu Phạm Quỳnh Anh T sinh ngày 03-6-2017 và cháu Phạm Quỳnh Khánh A sinh ngày 06-3-2024 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Q không yêu cầu giải quyết.

Về án phí đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chị Bùi Thu Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đ và chị Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thu Q và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N vào ngày 14-3-2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn nhưng không có biện pháp giải quyết khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng nhiều lần sống ly thân, chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ sinh sống, không còn quan tâm đến anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Q vẫn giữ quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn. Anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị Q, cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa anh Đ vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Điều đó thể hiện, anh Đ không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị Q và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử lý hôn giữa chị Bùi Thu Q và anh Phạm Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung: Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu A còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là chính đáng, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị Q không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thu Quỳnh phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Bùi Thu Q và anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung: Giao chị Bùi Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Quỳnh Anh T sinh ngày 03-6-2017 và Phạm Quỳnh Khánh A sinh ngày 06-3-2024.

Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thu Q.

Anh Phạm Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thu Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Q đã

nộp tại biên lai thu tiền số 0002111 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Đức phố Nam Định. Án phí ly hôn chị Bùi Thu Q đã nộp đủ.

4. Chị Bùi Thu Q và anh Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường V (ĐKKH ngày 14-3-2009);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên